TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2025/LĐ-ST
Ngày 11-8-2025
V/v "Tranh chấp yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi;

2. Bà Mai Thị Tám.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Võ Ngọc Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số: 40/2025/TLST-LĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1989; CCCD số 079189025467, cấp ngày 16/6/2023, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Số 18/2, đường N, ấp P, xã P, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH C (tên mới là Công ty TNHH H); Địa chỉ trụ sở: Ấp 1, xã T, huyện C (Nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park G; *Có người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Nguyễn Thị H - Nhân viên; Địa chỉ liên lạc: Ấp 1, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; (có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Thái Thị Hồng N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 10/21, đường P, ấp P, xã P, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; (có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng);

2/ Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (tên gọi trước khi thay đổi là Bảo hiểm Xã hội khu vực XXVII); Địa chỉ: Số 05, đường Nguyễn Đồng Chi, Phường Tân Phú, Quận 7 (nay là Phường Tân Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh; (có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng);

3/ Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội (tên gọi trước khi thay đổi là Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi); Địa chỉ: Số 174/1, tỉnh lộ 8, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh; (có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Bà có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH E, địa chỉ 76/28 N, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2009 (hợp đồng lao động và quyết định cho thôi việc đã bị thất lạc). Khi làm việc tại Công ty TNHH E bà đã tham gia BHXH từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2009 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7908270737 của bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đã làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quyết định số 1613432 ngày 12/11/2010.

Ngày 28/4/2025, bà đi làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội một lần giai đoạn từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2024 thì bị từ chối do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Nguyên nhân bị trùng là do bà thiếu hiểu biết pháp luật, bà có cho bạn của bà là Thái Thị Hồng N mượn chứng minh nhân dân của bà để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 (hợp đồng lao động bạn của bà đã bị thất lạc, không thể cung cấp cho Toà án) và tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ bảo hiểm xã hội số 0207333434 từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 tại Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, bạn bà đã nhận trợ cấp một lần theo quyết định số 169283 ngày 22/7/2010.

Do sự thiếu hiểu biết của bà và bà N, bà N đã khai không trung thực khi giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C không đúng quy định của pháp luật nên bà yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Nguyễn Thị Thu L (do Thái Thị Hồng N tham gia ký kết) và Công ty TNHH C từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 là vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C (tên mới là Công ty TNHH H) có người đại diện hợp pháp quá trình tố tụng trình bày:

Phía Công ty có nhận được thông báo thụ lý số: 40 ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh) về việc bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Loan và Công ty C (nay là Công ty TNHH H) thời gian từ tháng 07/2007 đến tháng 6/2009 là vô hiệu, do sổ bảo hiểm xã hội số 0207333434 trùng tên bà Nguyễn Thị Thu L.

Sự việc do bà L và bà N gian dối trong việc giả mạo thông tin để được Công ty nhận vào làm việc nên Công ty không biết. Thời gian hoạt động dài, nhân viên Công ty và người lao động có nhiều thay đổi nên hồ sơ lưu trữ của các công nhân Công ty không còn lưu trữ. Công ty không thể cung cấp cho Toà án các tài liệu liên quan đến người lao động Nguyễn Thị Thu L, có sổ Bảo hiểm xã hội số 0207333434.

Bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu L (người tham gia lao động thực tế là bà Thái Thị Hồng N) với Công ty TNHH C (nay là Công ty TNHH H) trong khoảng thời gian từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 là vô hiệu, Công ty thống nhất đồng ý và không có yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà L. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án

theo quy định của pháp luật và yêu cầu xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Hồng N quá trình tố tụng trình bày: Vào khoảng tháng 7/2007, bà có mượn giấy tờ của bà Nguyễn Thị Thu L để đi làm ở Công ty TNHH C và đã tham gia bảo hiểm xã hội, bà đã hưởng bảo hiểm 01 lần. Nay bà thống nhất như yêu cầu khởi kiện của bà L và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (tên gọi trước khi thay đổi là Bảo hiểm Xã hội khu vực XXVII) quá trình tố tụng trình bày: Bảo hiểm Xã hội Khu vực XXVII là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu L với Công ty TNHH C (tên mới là Công ty TNHH H), vì lý do khách quan không thể tham gia trực tiếp các giai đoạn tố tụng, đề nghị Toà án nhân nhân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tố tụng dân sự vắng mặt Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ở tất cả các giai đoạn tố tụng.

Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh sẽ thực hiện đầy đủ phán quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội (tên gọi trước khi thay đổi là Bảo hiểm Xã hội huyện Củ Chi), quá trình tố tụng trình bày:

Qua kiểm tra dữ liệu đang quản lý, Bảo hiểm Xã hội huyện Củ Chi cung cấp thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Thu L như sau:

Sổ bảo hiểm xã hội số 0207333434 có quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2007 đến tháng 6/2009 tại Công ty TNHH C, đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Sổ bảo hiểm xã hội số 7908270737 có quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2009 tại Công ty TNHH E, từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2016 tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại L, từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2018 tại Công ty TNHH E đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần; từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2024 tại Công ty TNHH E chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Bảo hiểm Xã hội huyện Củ Chi không lưu giữ hợp đồng lao động của người lao động với đơn vị sử dụng lao động nên không thể cung cấp theo yêu cầu của Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

Bảo hiểm Xã hội huyện Củ Chi với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Toà án đối với vụ án trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm mở phiên toà, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm

quyền; giải quyết vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L; tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Nguyễn Thị Thu L (do Thái Thị Hồng N tham gia ký kết) và Công ty TNHH C từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động" được quy định tại Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C (nay là Công ty TNHH H), Bảo hiểm Xã hội cơ sở Tân An Hội (tên gọi trước thay đổi là Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi), Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (tên gọi trước thay đổi là Bảo hiểm Xã hội Khu vực XXVII) và bà Thái Thị Hồng N có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định.

[3] Về nội dung

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Nguyễn Thị Thu L (do Thái Thị Hồng N tham gia ký kết) và Công ty TNHH C từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 là vô hiệu.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Toà án thu thập được, có cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị Thu L có cho bà Thái Thị Hồng N mượn giấy tờ tuỳ thân (mượn chứng minh nhân dân) để ký hợp đồng lao động và tham gia Bảo hiểm xã hội (tên Nguyễn Thị Thu L) tại Công ty TNHH C (nay là Công ty TNHH H) trong khoảng thời gian từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009; theo sổ sổ Bảo hiểm xã hội 0207333434, hiện bà Thái Thị Hồng N đã hưởng BHXH 01 lần.

Bà Thái Thị Hồng N cũng thừa nhận việc có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu L để đi làm tại Công ty TNHH C (nay là Công ty TNHH H) trong khoảng thời gian như bà L trình bày là đúng, bà có đóng bảo bảo hiểm xã hội dưới danh nghĩa tên Nguyễn Thị Thu L và bà đã hưởng BHXH 01 lần.

Từ đó có đủ cơ sở xác định việc bà Thái Thị Hồng N mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu L để ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công

ty TNHH C (nay là Công ty TNHH H) dưới tên Nguyễn Thị Thu L là đã vi phạm nguyên tắc, nghĩa vụ của người lao động quy định tại Điều 7, Điều 9, khoản 1 Điều 30 của Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ. Phía Công ty TNHH C chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 7, Điều 8 Nghị định số: 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ khi sử dụng người lao động không đúng đối tượng lao động.

Do đó, căn cứ Điều 122, Điều 127 và Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005 có đủ cơ sở xác định hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thu L (do bà Thái Thị Hồng N thực hiện) với Công ty TNHH C là vô hiệu.

[3.2] Xét thấy, các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu; do đó Toà án không xem xét là phù hợp.

[4] Về phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nhận định của Toà án.

[5] Về án phí: Tại phiên toà nguyên đơn tự nguyện nộp án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 122, 127 và Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào các Điều 7, 8, 9, 30 của Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002;

- Căn cứ vào các Điều 15, 16 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ vào các Điều 7, 8 của Nghị định số: 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm;

- Căn cứ vào Điều 10 của Nghị định số: 45/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

- Căn cứ vào các Điều 19, 21, 23, 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L.

- Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Thu L (do bà Thái Thị Hồng N giao kết thực hiện) với Công ty TNHH C (nay là Công ty TNHH H) trong khoảng thời gian từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2009 là vô hiệu.

- Bà Nguyễn Thị Thu L, bà Thái Thị Hồng N được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu L tự nguyện nộp án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0064442 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận**:*
- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 8 – Tp. HCM;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 8 - TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 8 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Hương